

<p>* Hướng dẫn xây dựng lời thuyết minh:</p>	7'	
<p>- Yêu cầu HS trong bàn thảo luận và xây dựng lời thuyết minh.</p>		
<p>* Tổ chức kể và tìm hiểu nội dung câu chuyện.</p>	16'	
<p>- Kể trước lớp.</p>		
<p>- Nhờ đâu bác đánh cá có thể thoát khỏi lời nguyền của con quỷ độc ác?</p>		
<p>- Tại sao con quỷ lại chịu chui trở lại bình?</p>		
<p>- Câu chuyện nói lên điều gì?</p>		
<p>- Tổ chức cho H thi kể trước lớp.</p>		
<p>4. Cũng cố – dặn dò :</p>	2'	
<p>- Qua câu truyện chúng ta rút ra bài học gì?</p>		
<p>- Về nhà tập kể lại chuyện</p>		
<p>- CBBS: những chuyện đã nghe, đã đọc</p>		
<p>- Nhận xét giờ học</p>		

Tiết 3.Thể dục

Đ/C: Triệu dạy

Tiết 4: Tập làm văn

**BÀI 38: LUYỆN TẬP XÂY XUNG KẾT BÀI TRONG
BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

I. MỤC TIÊU:

- Nắm vững hai cách kết bài (mở rộng và không mở rộng) trong bài văn miêu tả đồ vật(BT1).
- Viết được đoạn kết bài mở rộng cho bài văn miêu tả đồ vật (BT2)

II. ĐỒ DÙNG

- GV: Bảng phụ viết sẵn ND kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng
+ Giấy khổ to và bút dạ
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức	1'	- Hát
2. KTBC: - Gọi HS đọc các đoạn mở bài theo cách trực tiếp, gián tiếp cho bài văn miêu tả cái bàn học(BT 2- tiết TLV trước) - Nhận xét khen	3'	- 2 em thực hiện YC - Lớp theo dõi nhận xét
3. Bài mới: a. Giới thiệu bài: Nêu mục tiêu của bài b. Nội dung bài Bài 1(11,12)	35' 1' 12'	
- Gọi HS đọc YC và ND bài - Bài văn miêu tả đồ vật nào? - Hãy tìm và đọc đoạn kết bài của bài văn miêu tả cái nón? - Theo em đó là kết bài theo cách nào? vì sao?		- 2 em đọc - lớp đọc thầm trao đổi theo cặp trả lời câu hỏi - Bài văn miêu tả cái nón - Đoạn kết bài là đoạn cuối cùng trong bài: Từ má bảo...bị méo vành - Đó là kiểu kết bài mở rộng, vì tả cái nón xong còn nêu lời căn dặn của mẹ, ý thức giữ gìn cái nón của bạn nhỏ
* GV: kết luận : Ở bài văn miêu tả cái nón, sau khi tả cái nón xong, bạn nhỏ		- Nghe

<p>lại nêu lời dặn của mẹ, và ý thức giữ gìn cái nón của mình,. Từ đó ta thấy được tình cảm của bạn nhỏ đối với chiếc nón, đó là cách kết bài mở rộng</p> <p>Bài 2(12)</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS đọc YC bài tập- GV phát phiếu khổ to cho 4 HS và cứ 2 em làm 1 đề - Những em viết khổ to xong nên bảng dán bài-Gọi 1 số HS dưới lớp đọc bài của mình- Nhận xét khen <p>4. Cũng cố - dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none">- Về nhà viết lại bài- CBBS: Kiểm tra viết- Nhận xét giờ học	<p>22'</p> <p>1'</p>	<ul style="list-style-type: none">- 2 em đọc - lớp đọc thầm- HS làm bài , mỗi em viết 1 đoạn kết bài mở rộng cho 1 trong các đề trong SGK- Dán bài lên bảng - HS đọc bài của mình- lớp theo dõi - nhận xét - Ghi nhớ
---	---	--

Tiết 5: Sinh hoạt

NHẬN XÉT LỚP TUẦN 19

I. Nhận xét các mặt hoạt động trong tuần.

1. Đạo đức:

+ Đa số HS trong lớp ngoan ngoãn lễ phép với thầy cô giáo. Không có hiện tượng gây mất đoàn kết. đoàn kết với bạn

2. Học tập:

- + Đi học đầy đủ, đúng giờ không có HS nào nghỉ học hoặc đi học muộn.
- Đầu giờ truy bài chưa nghiêm túc
- Về nhà học bài và làm bài tập tương đối đầy đủ, xong vẫn còn 1 số em bài làm còn Chưa đủ như em:...
- +, Sách vở đồ dùng còn mang chưa đầy đủ còn quên sách vở, vở viết của một số HS còn thiếu nhãn vở.
- +,Trong lớp còn mất trật tự nói chuyện rì rầm, còn 1 số H làm việc riêng không chú ý nghe giảng như em:...
- +, Một số H sinh học tập ý thức tốt như em:...
- +,Viết bài còn chậm, sai lỗi chính tả, trình bày vở viết còn xấu như em:...

3. Công tác khác

- Vệ sinh đầu giờ: H tham gia chưa đầy đủ. Vệ sinh nhanh nhẹn hơn. Vệ sinh lớp học tương đối sạch sẽ đồ dùng xếp đặt tương đối gọn gàng.

+ , Ăn mặc đồng phục chưa đúng qui định còn 1 số H mặc áo phông không cổ cộc tay đến lớp học - y/c ăn mặc đúng đồng phục.

- Đội viên chưa đeo khăn quàng đầy đủ

- Các khoản thu nộp chậm

4, Phương Hướng:

- **Đạo đức:** Giáo dục H theo 5 điều Bác Hồ dạy- Nói lời hay làm việc tốt nhất được của rơi trả lại người mất hoặc lớp trực tuần, không ăn quà vặt

- **Học tập:** Đi học đầy đủ đúng giờ, học bài làm bài mang đầy đủ sách vở. Học bài làm bài ở nhà

- Những em chưa đạt thực hiện đi rèn 2 môn toán và Tiếng việt

- Những em đọc yếu, viết xấu cần luyện đọc và viết nhiều

II. Hoạt động tập thể.

HỘI HOA XUÂN

I. MỤC TIÊU

- HS hiểu ý nghĩa to lớn của việc trồng cây không những đem lại lợi ích về kinh tế mà còn làm đẹp cho mỗi gia đình, cho đất nước.

- HS có ý thức bảo vệ và chăm sóc cây ở nhà, ở trường...

II. QUI MÔ HOẠT ĐỘNG

Tổ chức theo quy mô lớp, khối lớp hoặc toàn trường.

III. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Tranh, ảnh chợ hoa Tết, hội hoa xuân.

- Sản phẩm cây hoa.

IV. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

*Bước 1: Chuẩn bị

Trước 2 tuần, GV phổ biến cho HS:

- Để hưởng ứng phong trào “Tết trồng cây”, lớp sẽ tổ chức “Hội hoa xuân” để trưng bày những cây (khuyến khích là cây hoa) các em đã chăm sóc. Cây đó có thể của cá nhân hay một nhóm.

- Mỗi tổ có một trang sưu tầm tranh ảnh chợ hoa Tết, hội hoa xuân.

- Cử (chọn) người dẫn chương trình.

***Bước 2: Hội hoa xuân**

- Địa điểm tổ chức nên đặt ngoài sân, có bảng kẻ chữ: HỘI HOA XUÂN – LỚP 4

- MC tuyên bố lí do, giới thiệu chương trình, công bố thời gian dành cho việc trưng bày và trang trí sản phẩm, tư liệu theo đơn vị tổ.

- Các tổ trưng bày và trang trí cây của tổ mình. Mỗi cây đều ghi rõ tên cây gì? Của ai? Tổ nào?

- GV cùng MC hướng dẫn cả lớp tham quan từng góc sản phẩm. Khi đoàn tham quan đến tổ nào, đại diện tổ sẽ giới thiệu các sản phẩm của tổ mình.

- Đoàn tham quan chọn sản phẩm đẹp trưng bày lên góc chung của cả lớp.

***Bước 3: Nhận xét – Đánh giá**

- GV hoan nghênh cả lớp đã nhiệt tình hưởng ứng “Hội hoa xuân”, nhấn mạnh: Với việc làm hôm nay, các em đã góp phần tạo thêm màu xanh, thêm sắc hoa rực rỡ cho đất nước. Khen ngợi những cá nhân có sản phẩm đẹp được cả lớp bình chọn. Khuyến khích cá nhân, nhóm có thể tặng sản phẩm cho lớp, cho trường (nếu lớp, trường có nhu cầu). Khuyến khích HS vận động gia đình, tích cực trồng cây phù hợp với điều kiện thực tế của gia đình mình, góp phần tô đẹp cho môi trường sống quanh ta.

TUẦN 20

THỨ HAI

Tiết 1: Chào cờ

Tiết 2: Hát nhạc

Tiết 3: Tập đọc

Đ/C GV Chuyên dạy

BÀI 39: BỐN ANH TÀI (Tiếp)

Nội dung giáo dục kỹ năng sống

I. MỤC TIÊU

- Biết đọc với giọng kể chuyện, bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp với nội dung câu chuyện

- Hiểu nội dung bài : Ca ngợi sức khỏe, tài năng, tinh thần đoàn kết chiến đấu chống yêu tinh, cứu dân lành của bốn anh em Cầu Khây

II. CÁC KĨ NĂNG SỐNG CƠ BẢN ĐƯỢC GIÁO DỤC TRONG BÀI

- Tự nhận thức, xác định giá trị cá nhân
- Hợp tác
- Đảm nhận trách nhiệm

III. PHƯƠNG PHÁP/KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG:

- GV: Tranh minh hoạ, bảng phụ, truyện cổ dân gian.
- HS: Đồ dùng học tập.

C. Các hoạt động dạy – học :

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức : - Cho hát , nhắc nhở HS	1'	
2. Kiểm tra bài cũ : Gọi HS đọc bài : “ Chuyện cổ tích về loài người” + trả lời câu hỏi GV nhận xét – khen HS	3'	- 3 em thực hiện YC Ghi đầu bài.
3. Dạy bài mới:	35'	
a. Giới thiệu bài – Ghi bảng. - Cho HS quan sát tranh SGK	1'	
b. Nội dung bài		
*. Luyện đọc:	12'	
- GV: bài chia làm 2 đoạn - Gọi HS đọc nối tiếp đoạn (2 lần) GV kết hợp sửa cách phát âm cho HS. - Nêu chú giải		- HS đọc nối tiếp mỗi em 1 đoạn + Đoạn 1: Từ đầu ...bắt yêu tinh đấy + Đoạn 2: Còn lại - Giải nghĩa các từ trong chú giải.
- HS luyện đọc theo cặp - Gọi 1 HS khá đọc bài - GV - HD - đọc mẫu toàn bài.		- HS đọc theo cặp - 1 em đọc - HS nghe
*. Tìm hiểu nội dung :	12'	
- Gọi HS đọc đoạn 1 +Tới nơi yêu tinh ở anh em cậu Khây gặp ai và được giúp đỡ như thế nào?		- Đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi. - Gặp bà cụ được yêu tinh cho sống sót để chăm sóc cho nó. 4 anh em Cậu Khây được bà cụ nấu cơm cho ăn và cho ngủ nhờ.
- Thấy yêu tinh về bà cụ đã làm gì? Ý chính đoạn 1		- Bà cụ liền giục 4 anh em chạy trốn - 4 anh em Cậu Khây đến nơi ở của yêu tinh và được bà cụ giúp đỡ
- Đọc thầm đoạn 2: - Yêu tinh có phép thuật gì đặc biệt?		- 1 em đọc - Yêu tinh có thể phun nước như mưa

<ul style="list-style-type: none">- Các nhóm thuật lại cuộc chiến đấu của 4 anh em chống yêu tinh- Vì sao anh em Cầu Khê chiến thắng được yêu tinh?- Nêu ý chính đoạn 2. - Câu chuyện ca ngợi điều gì? *. Luyện đọc diễn cảm :<ul style="list-style-type: none">- Gọi H đọc nối tiếp lần 3- Hướng dẫn đọc diễn cảm đoạn 1- Gv đọc mẫu- Cho HS đọc theo cặp- Thi đọc diễn cảm đoạn văn- Thi đọc diễn cảm toàn bài- Nhận xét khen4. Củng cố - dặn dò- Ý nghĩa của câu chuyện là gì?- Về nhà đọc bài và chuẩn bị bài sau- Nhận xét giờ học	<p>10'</p> <p>1'</p>	<p>làm cho nước ngập cả cánh đồng làng mạc</p> <ul style="list-style-type: none">- Các nhóm cử đại diện thuật lại chuyện- Vì anh em Cầu Khê có sức khoẻ tài năng phi thường và vì anh em Cầu Khê biết đoàn kết đồng tâm hợp lực- ý 2 Anh em Cầu Khê chiến thắng được yêu tinh vì họ có được sức mạnh và đặc biệt là biết đoàn kết hiệp lực- Câu chuyện ca ngợi sức khoẻ, tài năng tinh thần đoàn kết, hiệp lực chiến đấu buộc yêu tinh phải quy hàng của 4 anh em Cầu Khê - HS đọc nối tiếp- Nêu cách đọc toàn bài.- HS nghe- tìm từ thể hiện giọng đọc- HS đọc theo cặp- Tổ chức cho H thi đọc diễn cảm-HS nhắc lại nội dung chính của bài.- Ghi nhớ
---	----------------------	--

Tiết 4: khoa học

BÀI 39: KHÔNG KHÍ BỊ Ô NHIỄM

Nội dung giáo dục kỹ năng sống bảo vệ môi trường

I. MỤC TIÊU:

- Nêu được một số nguyên nhân gây ô nhiễm không khí: khói, khí độc, các loại bụi, vi khuẩn.

II. CÁC KỸ NĂNG SỐNG CƠ BẢN ĐƯỢC GIÁO DỤC TRONG BÀI

- Tìm kiếm và xử lý thông tin về các hành động gây ô nhiễm môi trường
- Xác định giá trị bản thân qua đánh giá các hành động liên quan tới ô nhiễm không khí
- Trình bày, tuyên truyền về việc bảo vệ bầu không khí trong sạch
- Lựa chọn giải pháp bảo vệ môi trường không khí

*GD BVMT: Ô nhiễm không khí, nguồn nước

III. PHƯƠNG PHÁP/KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Động não (theo nhóm)
- Quan sát và thảo luận theo nhóm nhỏ
- Kỹ thuật hỏi - trả lời
- Chúng em biết 3
- Điều tra

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- GV: Hình trang 78 – 79 SGK
- HS: SGK, vở ghi

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ôn định tổ chức:	1'	- Lớp hát đầu giờ.
2. Kiểm tra bài cũ: - Nêu các cấp gió tương ứng với thiệt hại do bão gây ra ?	3'	- 2 em thực hiện YC
3. Bài mới:	30'	
a. Giới thiệu bài – Viết đầu bài.	1'	- Nhắc lại đầu bài.
b. Nội dung bài		
*Hoạt động 1:	10'	*Không khí sạch và không khí bị ô nhiễm
+ Mục tiêu: Phân biệt không khí sạch (trong lành) và không khí bẩn (không khí bị ô nhiễm).		và không khí sạch
+ Em có nhận xét gì về bầu không khí ở địa phương em?		- Làm việc theo cặp.
+ Tại sao em lại cho rằng bầu không khí ở địa phương em sạch hay bị ô nhiễm		- Bầu không khí ở địa phương em rất trong lành
		- Bầu không khí ở địa phương em bị ô nhiễm
		- Vì ở địa phương em có nhiều cây xanh, không hì thoáng, không có nhà máy công nghiệp, ô tô trở cát, đất chạy qua
+ Chỉ ra hình nào chỉ bầu không khí trong sạch ? Hình nào thể hiện bầu không khí bị ô nhiễm ?		- Vì ở địa phương em có nhiều nhà cửa san sát, khói xe máy, ô tô đen ngòm đường, đường đầy cát, bụi
+ Phân biệt không khí trong lành và không khí bị ô nhiễm ?		- Quan sát hình 78 – 79.
		+ Bầu không khí sạch H ₂ .
		+ Bầu K ² bị ô nhiễm: H ₁ ; H ₃ ; H ₄ .
		- K ² trong sạch là K ² trong suốt: không mào, không mùi, không vị,

<p>- Không khí có tính chất gì?</p> <p>- Thế nào là không khí sạch?</p> <p>- Thế nào là không khí bị ô nhiễm?</p> <p>- GV kết luận: * Hoạt động 2: + Mục tiêu : Nêu được những nguyên nhân gây nhiễm bầu không khí. - Y/c HS liên hệ thực tế và phát biểu.</p> <p>GV: Kết luận *Hoạt động 3: - HS thảo luận TLCH</p> <p>- Không khí bị ô nhiễm có tác hại gì đối với đời sống con người?</p> <p>4. Củng cố – Dặn dò:</p>	<p>lượng khói, bụi, khí độc, vi khuẩn thấp không làm hại đến sức khỏe của con người.</p> <p>- K² bị ô nhiễm là K² chứa một lượng khói, bụi, vi khuẩn quá tỉ lệ cho phép có hại đến sức khỏe của con người và các loại động vật khác.</p> <p>- Không khí trong suốt, không màu, không mùi, không vị không có hình dạng nhất định</p> <p>- Là không khí không có thành phần gây hại đến sức khỏe con người</p> <p>- Là không khí có chứa nhiều bụi, khói, mùi hôi thối của rác, gây ảnh hưởng đến người và động vật</p> <p>- HS nhắc lại</p> <p>10' *Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí</p> <p>ô nhiễm không khí</p> <p>- Nguyên nhân gây ô nhiễm bầu không khí nói chung và nguyên nhân làm không khí ở địa phương bị ô nhiễm nói riêng :</p> <p>+Do bụi: Bụi tự nhiên, bụi do núi lửa sinh ra, bụi do hoạt động của con người.</p> <p>+ Do khí độc: Do sự lên men của các sinh vật , rác thải, sự cháy củ than đá,dầu mỏ ... nước thải của nhà máy.</p> <p>9'</p> <p>- Thảo luận nhóm đôi - nối tiếp nhau trình bày</p> <p>+Gây bệnh viêm phế quản mãn tính</p> <p>+ Gây bệnh ung thư phổi</p> <p>+ Bụi về mắt sẽ gây tác hại về mắt</p> <p>+ Gây khó thở</p> <p>+ Làm cho các loại cây hoa, quả không lớn được</p> <p>1'</p>
--	---

<ul style="list-style-type: none"> - Thế nào là không khí trong sạch, không khí bị ô nhiễm? - Nhận xét tiết học. - Về học kỹ bài và CB bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời
--	--

Tiết 5: Toán

BÀI 96: PHÂN SỐ

I. MỤC TIÊU

- Bước đầu nhận biết về phân số, về tử số và mẫu số.
- Biết đọc, biết viết về phân số.

II. ĐỒ DÙNG

- GV: Các hình minh họa như trong SGK trang 106, 107.
- HS: SGK; vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ôn định tổ chức	1'	- Hát
2. Kiểm tra bài cũ - GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm của tiết 95. - GV nhận xét và khen học sinh.	3'	- 2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu của GV.
3. Bài mới	35'	
a. Giới thiệu bài	1'	- HS nghe
b. Nội dung bài	14'	
* Giới thiệu phân số - Treo hình tròn được chia làm 6 phần bằng nhau, trong đó có 5 phần được tô màu như phần bài học của SGK. - GV hỏi : - Hình tròn được chia mấy phần bằng nhau ? - Có mấy phần được tô màu ? - GV: Chia hình tròn thành 6 phần bằng nhau, tô màu 5 phần. Ta nói đã tô màu năm phần sáu hình tròn. - Năm phần sáu viết là $\frac{5}{6}$. (Viết 5, kẻ vạch ngang dưới 5, viết 6 dưới vạch		- HS quan sát hình. - HS trả lời : + Thành 6 phần bằng nhau. + Có 5 phần được tô màu - HS nghe HV giảng bài.

<p>ngang và thẳng với 5.)</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS đọc và viết $\frac{5}{6}$- GV : Ta gọi $\frac{5}{6}$ là phân số.- Phân số $\frac{5}{6}$ có tử số là 5, có mẫu số là- Khi viết phân số $\frac{5}{6}$ thì mẫu số được viết ở trên hay dưới gạch ngang?- Mẫu số của phân số $\frac{5}{6}$ cho em biết điều gì ?- Ta nói mẫu số là tổng số phần bằng nhau được chia ra. Mẫu số luôn luôn phải khác 0 .- Khi viết phân số $\frac{5}{6}$ thì tử số được viết ở đâu ? Tử số cho em biết điều gì ?- Ta nói tử số là số phần bằng nhau được tô màu .- Giáo viên lần lượt đưa ra hình tròn, hình vuông, hình zíc zắc như phần bài học của SGK, yêu cầu học sinh đọc phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình.+ Đưa ra hình tròn và hỏi : đã tô màu bao nhiêu phần của hình tròn ? hãy giải thích .+ Nêu tử số và mẫu số của phân số $\frac{1}{2}$+ Đưa ra hình vuông và hỏi: Đã tô màu bao nhiêu phần hình vuông ? Hãy giải thích.+ Nêu tử số và mẫu số của phân số $\frac{3}{4}$+ Đưa ra hình zíc zắc và hỏi : Đã tô	<ul style="list-style-type: none">- HS viết $\frac{5}{6}$, và đọc năm phần sáu.- HS nhắc lại : Phân số $\frac{5}{6}$- HS nhắc lại- Mẫu số được viết ở dưới vạch ngang.- Mẫu số của phân số $\frac{5}{6}$ cho biết hình tròn được chia thành 6 phần bằng nhau.- Khi viết phân số $\frac{5}{6}$ thì tử số được viết ở trên vạch ngang và cho biết có 5 phần bằng nhau được tô màu.+ Đã tô màu $\frac{1}{2}$ hình tròn (Vì hình tròn được chia thành 2 phần bằng nhau và tô màu 1 phần).+ Phân số $\frac{1}{2}$ có tử số là 1 , mẫu số là 2.+ Đã tô màu $\frac{3}{4}$ hình vuông (Vì hình vuông được chia thành 4 phần bằng nhau và tô màu 3 phần).+ Phân số $\frac{3}{4}$ có tử số là 3, mẫu số là 4.
---	---

<p>màu bao nhiêu phần hình zíc zắc ? Hãy giải thích.</p> <p>+ Nêu tử số và mẫu số của phân số $\frac{4}{7}$.</p> <p>- Giáo viên nhận xét : $\frac{5}{6}; \frac{1}{2}; \frac{3}{4}; \frac{4}{7}$ là những phân số. Mỗi phân số có tử số và mẫu số . Tử số là số tự nhiên viết trên vạch ngang . Mẫu số là số tự nhiên khác 0 viết dưới gạch ngang .</p> <p>* Luyện tập Bài 1(107)</p> <p>- GV yêu cầu HS tự làm bài, sau đó lần lượt gọi 6 HS đọc , viết và giải thích phân số ở từng hình.</p> <p> </p> <p>Bài 2.</p> <p>- GV treo bảng phụ có kẻ sẵn bảng số như trong bài tập, gọi hai HS lên bảng làm bài và yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập.</p> <table border="1" style="width: 100%; margin: 10px 0; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Phân số</th> <th>Tử số</th> <th>Mẫu số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>$\frac{6}{11}$</td> <td>6</td> <td>11</td> </tr> <tr> <td>$\frac{8}{10}$</td> <td>8</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>$\frac{5}{12}$</td> <td>5</td> <td>12</td> </tr> </tbody> </table> <p>- GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng. - GV hỏi: mẫu số của các phân số là những số tự nhiên như thế nào ? - GV nhận xét và khen học sinh.</p> <p>Bài 3: HD về nhà</p>	Phân số	Tử số	Mẫu số	$\frac{6}{11}$	6	11	$\frac{8}{10}$	8	10	$\frac{5}{12}$	5	12	<p>20'</p> <p>10'</p> <p>10'</p>	<p>+ Đã tô màu $\frac{4}{7}$ hình zíc zắc. (Vì hình zích zắc được chia thành 7 phần bằng nhau và tô màu 4 phần.</p> <p>+ Phân số $\frac{4}{7}$ có tử số là 4 , mẫu số là 7.</p> <p> </p> <p>- HS làm bài vào vở bài tập. - 6 HS lần lượt báo cáo trước lớp. Ví dụ : Hình1: viết $\frac{2}{5}$, đọc hai phần năm, mẫu số cho biết hình chữ nhật được chia thành 5 phần bằng nhau. Tử số cho biết có 2 phần được tô màu.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài , HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <table border="1" style="width: 100%; margin: 10px 0; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Phân số</th> <th>Tử số</th> <th>Mẫu số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>$\frac{3}{8}$</td> <td>3</td> <td>8</td> </tr> <tr> <td>$\frac{18}{25}$</td> <td>18</td> <td>25</td> </tr> <tr> <td>$\frac{12}{55}$</td> <td>12</td> <td>55</td> </tr> </tbody> </table> <p>HS dưới lớp nhận xét, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau. - Là các số tự nhiên lớn hơn 0.</p>	Phân số	Tử số	Mẫu số	$\frac{3}{8}$	3	8	$\frac{18}{25}$	18	25	$\frac{12}{55}$	12	55
Phân số	Tử số	Mẫu số																								
$\frac{6}{11}$	6	11																								
$\frac{8}{10}$	8	10																								
$\frac{5}{12}$	5	12																								
Phân số	Tử số	Mẫu số																								
$\frac{3}{8}$	3	8																								
$\frac{18}{25}$	18	25																								
$\frac{12}{55}$	12	55																								

<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - GV gọi 3 HS lên bảng, sau đó lần lượt đọc các phân số cho HS viết. (có thể đọc thêm các phân số khác) - GV có thể nhận xét bài viết của HS trên bảng , yêu cầu học sinh dưới lớp đối chiếu vở để kiểm tra bài của nhau Bài 4: HD về nhà -GV yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau chỉ các phân số bất kỳ cho nhau đọc. - GV viết lên bảng 1 phân số, sau đó yêu cầu học sinh đọc . - GV nhận xét phần đọc các phân số của HS . <p>4. Cũng cố - dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hôm nay học bài gì? - Về nhà làm bài tập - Chuẩn bị bài sau - Nhận xét giờ học 	1'	<ul style="list-style-type: none"> - Viết các phân số. - 3 HS lên bảng viết, HS dưới lớp viết vào vở, yêu cầu viết đúng thứ tự như GV đọc. $\frac{2}{100} ; \frac{11}{12} ; \frac{4}{9} ; \frac{9}{10} ; \frac{52}{84}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc theo cặp. - HS nối tiếp nhau đọc các phân số GV viết lên bảng. <ul style="list-style-type: none"> - Phân số - ghi nhớ
--	----	--

**TH
Ứ
BA
Tiết
1:
To
án
BÀ
I
97:
PH
ÂN
SỐ
VÀ
PH
ÉP
CH
IA
SỐ
TỰ**

NHIÊN

I. MỤC TIÊU:

- Biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành phân số: tử số là số bị chia, mẫu số là số chia.

II. ĐỒ DÙNG

- GV: Các hình minh họa như phần bài học SGK vẽ trên bìa hoặc trên bảng
- HS: SGK; vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức	1'	
2. Kiểm tra bài cũ	3'	
<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 2 HS lên bảng ,yêu cầu + HS 1 làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm của tiết 96. + HS 2:GV đọc cho HS này viết một phân số ,sau đó viết một số phân số cho HS đọc . - GV nhận xét khen HS. 		<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng thực hiện yêu cầu,HS dưới lớp theo dõi để nhận xét bài làm của bạn .

<p>3. Bài mới</p> <p>a. Giới thiệu bài mới</p> <p>b. Nội dung bài</p> <p>*. Phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0</p> <p>*Trường hợp có thương là một số tự nhiên</p> <p>- GV nêu vấn đề: Có 8 quả cam, chia đều cho 4 bạn thì mỗi bạn có được mấy quả cam ?</p> <p>- GV hỏi: Các số 8, 4, 2 được gọi là các số gì ?</p> <p>- Như vậy khi thực hiện chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0, ta có thể tìm được thương là một số tự nhiên. Nhưng không phải lúc nào ta cũng có thể thực hiện như vậy.</p> <p>* Trường hợp thương là phân số</p> <p>- GV nêu tiếp vấn đề:</p> <p>- Có 3 cái bánh, chia đều cho 4 em. Hỏi mỗi em được bao nhiêu cái bánh ?</p> <p>- GV: Em có thể thực hiện phép chia $3:4$ tương tự như thực hiện $8:4$ được không ?</p> <p>- Hãy tìm cách chia đều 3 cái bánh cho 4 bạn .</p> <p>- Có 3 cái bánh, chia đều cho 4 bạn thì mỗi bạn nhận được $\frac{3}{4}$ cái bánh.</p> <p>Vậy $3 : 4 = ?$</p> <p>- GV viết lên bảng $3 : 4 = \frac{3}{4}$</p> <p>+Thương trong phép chia $3:4 = \frac{3}{4}$ có gì khác so với thương trong phép chia $8:4=2$?</p> <p>- Như vậy khi thực hiện chia một số</p>	<p>35'</p> <p>1'</p> <p>14'</p>	<p>- Nghe giới thiệu bài .</p> <p>- Mỗi bạn được 4 quả</p> <p>- 8 là số bị chia; 2 là số chia; 4 gọi là thương</p> <p>- HS: Có 8 quả cam ,chia đều cho 4 bạn thì mỗi bạn được: $8 : 4 = 2$ (quả cam)</p> <p>- Là các số tự nhiên</p> <p>- Không</p> <p>- HS thảo luận và đi đến cách chia: Chia đều mỗi cái bánh thành 4 phần bằng nhau sau đó chia cho 4bạn, mỗi bạn nhận được 3 phần bằng nhau của cái bánh.Vậy mỗi bạn nhận được $\frac{3}{4}$ cái bánh.</p> <p>- HS dựa vào bài toán chia bánh để trả lời $3 : 4 = \frac{3}{4}$</p> <p>- HS đọc : 3 chia 4 bằng $\frac{3}{4}$</p> <p>- Thương trong phép chia $8:4 = 2$ là một số tự nhiên còn thương trong phép chia $3 : 4 = \frac{3}{4}$ là một phân số .</p>
--	---------------------------------	---

<p>tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0, ta có thể tìm được thương là một phân số.</p> <p>- GV: Em có nhận xét gì về tử số và mẫu số của thương $\frac{3}{4}$ và số bị chia, số chia trong phép chia 3:4.</p> <p>- GV kết luận: Thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0 có thể viết thành một phân số, tử số là số bị chia và thương là số chia.</p> <p>*. Luyện tập</p> <p>Bài 1 (108)</p> <p>Viết thương của mỗi phép chia sau dưới dạng phân số</p> <p>- GV cho HS tự làm bài, sau đó chữa bài trước lớp .</p> <p>- GV nhận xét bài làm của học sinh.</p> <p>Bài 2</p> <p>- Gv yêu cầu HS đọc bài mẫu, sau đó tự làm bài.</p> <p>- GV chữa bài và cho điểm học sinh.</p> <p>Bài 3</p> <p>- Gv yêu cầu HS đọc đề bài phần a, đọc mẫu và tự làm bài.</p> <p>- GV hỏi: Qua bài tập a em thấy mọi số tự nhiên đều có thể viết dưới dạng phân số như thế nào ?</p> <p>- GV gọi HS khác nhắc lại kết luận .</p> <p>4. Cũng cố -dặn dò</p>	<p>20'</p> <p>6'</p> <p>7'</p> <p>7'</p> <p>1'</p>	<p>- Số bị chia là tử số của thương và số chia là mẫu số của thương.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài ,HS cả lớp làm bài vào vở bài tập .</p> $7 : 9 = \frac{7}{9} \quad ; \quad 5 : 8 = \frac{5}{8}$ $6 : 19 = \frac{6}{19} \quad ; \quad 1 : 3 = \frac{1}{3}$ <p>- 1HS lên bảng làm bài ,HS cả lớp làm bài vào vở bài tập .</p> $36 : 9 = \frac{36}{9} = 4 ; 88 : 11 = \frac{88}{11} = 8$ $0 : 5 = \frac{0}{5} = 0 \quad ; \quad 7 : 7 = \frac{7}{7} = 1$ <p>-1HS lên bảng làm bài ,HS cả lớp làm bài vào vở bài tập .</p> $6 = \frac{6}{1} ; 1 = \frac{1}{1} ; 27 = \frac{27}{1} ; 0 = \frac{0}{1} ; 3 = \frac{3}{1}$ <p>- Mọi số tự nhiên đều có thể viết thành một phân số có mẫu số bằng 1.</p> <p>- 1 HS nêu trước lớp, cả lớp theo dõi để nhận xét .</p>
--	--	--

<ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS nêu mối quan hệ giữa phép chia số tự nhiên và phân số.- GV tổng kết giờ học, dặn dò HS về nhà chuẩn bị bài sau.	
--	--

Tiết 2: Lịch sử

BÀI 20: CHIẾN THẮNG CHI LĂNG

I. MỤC TIÊU:

- Nắm được một số sự kiện về khởi nghĩa Lam Sơn (tập trung vào trận Chi Lăng):
- Lê Lợi chiêu tập binh sĩ xây dựng lực lượng tiến hành khởi nghĩa chống quân xâm lược Minh (khởi nghĩa Lam Sơn). trận Chi Lăng là một trong những trận quyết định thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.
- Diễn biến trận Chi Lăng: quân địch do Liễu Thăng chỉ huy đến ải Chi Lăng; kị binh ta nghênh chiến, như Liễu Thăng và kị binh giặc vào ải. Khi kị binh của giặc vào ải, quân ta tấn công Liễu Thăng bị giết, quân giặc hoảng loạn và rút chạy.
- Ý nghĩa: Đập tan mưu đồ cứu viện thành Đông Quan của quân Minh, quân Minh phải xin hàng và rút về nước.
- Nắm được việc nhà Hậu Lê được thành lập.
- Thua trận ở Chi Lăng và một số trận khác, quân Minh phải đầu hàng, rút về nước. Lê Lợi lên ngôi Hoàng Đế (năm 1428) mở đầu thời Hậu Lê.
- Nêu các mẩu chuyện về Lê Lợi (kể chuyện Lê Lợi trả gươm cho rùa thần).

II. ĐỒ DÙNG.

- GV: Giáo án, phiếu thảo luận, hình minh họa sgk.
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức	1'	
2. Kiểm tra bài cũ. - Hãy nêu tình hình nước ta cuối thời Trần? - Vì sao nhà Hồ không thắng được quân Minh xâm lược? - Nhận xét khen	3'	- 2 em thực hiện YC
3. Bài mới: a. Giới thiệu- Ghi đầu bài. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về trận Chi Lăng, trận đánh có	30' 1'	

<p>ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Minh.</p> <p>b. Nội dung bài</p> <p>* Ải Chi Lăng và bối cảnh dẫn tới trận Chi Lăng</p> <ul style="list-style-type: none">- Trình bày hoàn cảnh dẫn tới trận Chi Lăng.- Treo lược đồ trận chi Lăng- Thung lũng Chi Lăng ở tỉnh nào của nước ta?- Thung lũng có hình như thế nào?- Hai bên thung lũng là gì? <p>- Lòng thung lũng có gì đặc biệt?</p> <p>- Với địa hình như trên Chi Lăng có thuận lợi gì cho quân ta và có hại gì cho quân địch?</p> <p>- Tổng kết ý chính về địa thế ải Chi Lăng</p>	<p>10'</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS nghe GV trình bày- Quan sát lược đồ- Thung lũng Chi Lăng ở tỉnh Lạng Sơn ở nước ta- Thung lũng hẹp và có hình bầu dục.- Phía tây thung lũng là dãy núi đá hiểm trở, phía đông thung lũng là dãy núi đất trùng trùng điệp điệp- Lòng thung lũng có sông lại có 5 ngọn núi nhỏ là núi quỳ Môn Quan, núi Cai Kinh, núi Ma Sắn, núi Phượng Hoàng- Địa thế Chi Lăng tiện cho quân ta mai phục đánh giặc, còn giặc đã lọt vào Chi Lăng khó mà có đường ra.- Các nhóm tiến hành thảo luận
<p>* Trận Chi Lăng</p> <p>+Hoạt động nhóm 4:QS lược đồ SGK và nêu lại diễn biến của trận Chi Lăng theo các nội dung?</p> <ul style="list-style-type: none">- Lê Lợi đã bố trí quân ta ở Chi Lăng NTN?- Kị binh của ta đã làm gì khi quân Minh đến trước ải Chi Lăng? <p>- Trước hành động của quân ta kị binh của giặc đã làm gì?</p>	<p>10'</p>	<ul style="list-style-type: none">- Đại diện các nhóm trình bày.- Lê Lợi đã bố trí quân ta mai phục chờ địch ở hai bên sườn núi và lòng khe.- Khi quân địch đến, kị binh của ta ra nghênh chiến rồi quay đầu giả vờ thua để nhờ Liễu Thăng cùng đoàn kị binh vào ải.Kị của giặc thấy vậy ham đuổi nên bỏ xa hàng vạn quân bộ ở phía sau đang lũ lượt chạy.- Quân bộ của địch cũng gặp phải mai phục của quân ta, lại nghe tin Liễu Thăng chết thì hoảng sợ. Phần đông chúng bị chết, số còn lại bỏ chạy thoát

<p>- Bộ binh của giặc thua ntn?</p> <p>+ Gọi HS trình bày lại diễn biến trận Chi Lăng?</p> <p>* Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa của chiến thắng Chi Lăng.</p> <p>- Hãy nêu kết quả của trận Chi Lăng?</p> <p>- Vì sao quân ta giành được thắng lợi ở Chi Lăng?</p> <p>- Chiến thắng Chi Lăng có ý nghĩa ntn đối với lịch sử dân tộc ta?</p>	<p>9'</p>	<p>thân.</p> <p>- Quân ta đại thắng, quân địch thua trận số sống sót chạy về nước tướng giặc là Liễu Thăng chết ngay tại trận.</p> <p>- 2 em- lớp theo dõi</p> <p>- Quân ra đại thắng, quân địch thua trận, số sống sót chạy về nước, tướng địch là Liễu Thăng chết ngay tại trận</p> <p>- Vì quân ta rất anh dũng , mưu trí trong đánh giặc.</p> <p>+ Địa thế Chi Lăng có lợi cho ta.</p> <p>- Trận Chi Lăng chiến thắng vẻ vang, mưu đồ cứu viện cho Đông Quan của nhà Minh bị tan vỡ. Quân Minh xâm lược phải đầu hàng, rút về nước. Nước ta hoàn toàn độc lập, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế mở đầu thời hậu Lê.</p>
<p>4. Củng cố- dặn dò</p> <p>- Cho HS đọc bài học</p> <p>- Về nhà học thuộc bài và chuẩn bị bài sau: Nhà Hậu Lê và việc quản lí đất nước</p> <p>- Nhận xét giờ học</p>	<p>1'</p>	<p>- 2 em đọc</p> <p>- HS ghi nhớ</p>

Tiết 3: Thể dục

Đ/C: Triệu dạy

Tiết 4: Luyện từ và câu

BÀI 39: LUYỆN TẬP VỀ CÂU KỂ AI LÀM GÌ ?

I. MỤC TIÊU :

- Nắm vững kiến thức, kỹ năng sử dụng câu kể Ai làm gì? để nhận biết được câu kể đó trong đoạn văn (BT1) xác định được bộ phận CN, VN trong câu kể tìm được (BT2)
- Viết được một đoạn văn có dùng kiểu câu Ai làm gì? (BT3)

II. ĐỒ DÙNG

- GV: Một số tờ phiếu viết rời từng câu vụn trong bài tập 1
- HS: SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
<p>1. Ôn định tổ chức</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <p>- HS đọc thuộc lòng 3 câu tục ngữ ở BT3</p> <p>- Nhân xét khen</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>a. Giới thiệu: ghi đầu bài :</p> <p>b. Nội dung bài</p> <p>* HDH làm bài tập.</p> <p>- Bài 1: Tìm các câu kể Ai làm gì ? trong các đoạn văn sau .</p> <p>Bài 2: xác định bộ phận CN, VN trong các câu vừa tìm được .</p> <p>- HS vận dụng kiến thức đã học để phân tích từng câu</p> <p>- Đặt câu hỏi Ai, làm gì để tìm bộ phận CN - VN.</p> <p>- H làm bài vào vở – 3H lên bảng .</p> <p>Bài 3: Viết một đoạn văn khoảng 5 câu kể về công việc trực nhật</p> <p>Lớp của em trong đó có dùng kiểu câu Ai làm gì?</p>	<p>1’</p> <p>3’</p> <p>35’</p> <p>1’</p> <p>7’</p> <p>10’</p> <p>17’</p>	<p>- Hát</p> <p>- 1 HS đọc thuộc lòng 3 câu tục ngữ ở BT3</p> <p>- H đọc Y/C của bài, cả lớp đọc thầm trao đổi với bạn tìm câu kể Ai làm gì ?</p> <p>- Cả đoạn văn có 7 câu. Các câu 3 .4 .5 .7, là câu kể Ai làm gì ?</p> <p>- H nhận xét và chữa.</p> <p>- <u>Tàu chúng tôi / buông neo trong</u> CN VN</p> <p><u>vùng biển Trường Sa.</u> VN</p> <p><u>Một số chiến sĩ thả câu.</u> CN VN</p> <p><u>Một số khác quây quần trên boong</u> CN VN</p> <p><u>sau, ca hát thổi sáo.</u></p> <p><u>Cá heo gọi nhau đến quây đến</u> CN VN</p> <p><u>quanh tàu như để đùa vui.</u> VN</p> <p>- H nhận xét và chữa.</p> <p>-Hôm nay, em và bạn Trang được phân công trực nhật lớp. Chúng em đến sớm hơn thường ngày. trước hết, chúng em moi hết giấy, rác trong các hộp bàn, Trang đi giặt dẻ lau bảng và lấy nước Em đeo khẩu trang</p>

<p>4. Củng cố -dặn dò.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hôm nay học bài gì? - Về nhà viết lại đoạn văn chưa đạt và hoàn chỉnh vào vở - Nhận xét giờ học 	1'	<p>và bắt đầu quét từ cuối lớp lên. chỉ một lúc sau, chúng em đã quét dọn và lau bàn ghế sạch sẽ</p> <ul style="list-style-type: none"> - H nhận xét chữa - Luyện tập về câu kể Ai làm gì - Ghi nhớ
---	----	--

Tiết 4: Mĩ thuật

BÀI 20: VẼ TRANH: ĐỀ TÀI NGÀY HỘI QUÊ EM

I. MỤC TIÊU:

- Học sinh hiểu biết sơ lược về những ngày lễ truyền thống của quê hương.
- Học sinh biết cách vẽ và vẽ được tranh về đề tài ngày hội theo ý thích.
- Học sinh thêm yêu quê hương đất nước qua các hoạt động lễ hội mang bản sắc dân tộc Việt Nam.

II. CHUẨN BỊ:

- GV: SGK, giáo án
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức:	1'	- Hát chào giáo viên
2. Kiểm tra bài cũ: - Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh	3'	- Học sinh bày lên bàn cho giáo viên kiểm tra.
3. Bài mới:	30'	
a. Giới thiệu bài	1'	
b. Nội dung	4'	
*Hoạt động 1: Tìm chọn nội dung đề tài		
- Giáo viên yêu cầu học sinh xem tranh ở trang 46, 47 hỏi: ? Em thấy trong tranh ảnh ghi lại hội gì? ? Ngoài những hình ảnh có trong tranh		- Học sinh quan sát tranh trả lời. - Hội làng, hội rước kiệu, hội chọi gà. - Hội đánh vật, đánh đu, chọi trâu, đua